

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 01/2018/HC-PT.

Ngày: 19/01/2018.

*V/v khởi kiện quyết định cưỡng chế
và hành vi hành chính trong cưỡng
chế thu hồi đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2017/TLPT-HC ngày 13/11/2017 về việc khởi kiện quyết định cưỡng chế và hành vi hành chính trong cưỡng chế thu hồi đất.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐ-PT ngày 04/01/2018 giữa đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà 19 ngõ 299 ĐBP, phường BH, thành phố HD, tỉnh HD.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn H là: Ông Nguyễn Thanh B – Luật sư Văn phòng luật sư TĐP Đoàn Luật sư tỉnh HD;

Địa chỉ: Số 10 BTX, thành phố HD, tỉnh HD;

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện TH;

Địa chỉ: thị trấn TH, huyện TH, tỉnh HD;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trịnh Văn T – Phó chủ tịch UBND huyện TH là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo giấy ủy quyền ngày 25/10/2016.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị Ph, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 19 ngõ 299 ĐBP, phường BH, thành phố HD, tỉnh HD.

Người đại diện hợp pháp của chị Ph là anh Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 20/3/2017.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Người khởi kiện anh Nguyễn Văn H cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH ban hành Quyết định số 1906/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 1906) ngày 12/3/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị Ph theo Quyết định thu hồi đất số 6787/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 (gọi tắt là Quyết định 6787) và Quyết định số 4616/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 về sửa đổi Điều 1 Quyết định 6787 của Ủy ban nhân dân huyện TH (viết tắt UBND huyện TH). Ngày 25/3/2015, Chủ tịch UBND huyện TH tổ chức cưỡng chế đối với diện tích đất 18,37m², tại thửa 141, tờ bản đồ số 27 xã TA, huyện TH của gia đình anh H chị Ph.

Anh H chị Ph cho rằng Quyết định 6787 và hành vi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện TH đối với diện tích đất nhà anh chị là trái pháp luật vì: Đối với Quyết định 6787 cưỡng chế thu hồi đất ban hành khi không đủ các điều kiện quy định của pháp luật đó là áp dụng Luật đất đai 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP là không đúng mà phải áp dụng Luật đất đai 2003 và Nghị định 69/2009/NĐ-CP. Theo quy định tại Điều 32 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 thì chỉ được thực hiện cưỡng chế thu hồi đất khi thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ... quy định tại Điều 27, 28, 29 và 38 Nghị định này; phải ra quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đúng diện tích, loại đất, theo giá thị trường tại thời điểm thu hồi. UBND huyện TH quyết định thu hồi 21.17m² đất của gia đình anh chị đã phạm vào nhà ở là 0,65m và toàn bộ hiên nhà là 1,2m nhưng không được bồi thường.

Đối với hành vi hành chính tổ chức thực hiện việc cưỡng chế gia đình anh không nhận được văn bản nào của Ủy ban hay tổ chức nào cưỡng chế; Quyết định 1906 không ghi cụ thể tên, chức vụ người thực hiện cưỡng chế, khi cưỡng chế, Anh H không có mặt chỉ có chị Ph và chị đề nghị các cán bộ giải thích rõ diện tích thu hồi đất của gia đình là bao nhiêu, tài sản có gì thì không được đáp ứng, chị yêu cầu lập biên bản cũng không được chấp nhận và những người thực hiện việc cưỡng chế cho chị và một số người khác lên xe và tạm giữ tại Ủy ban xã TA. Anh H xác định Quyết định 1906 và hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện TH trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi

ích hợp pháp của gia đình anh nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định Quyết định 1906 và hành vi tổ chức thực hiện cưỡng chế là trái pháp luật, buộc UBND huyện TH thực hiện lại công việc đo vẽ, kiểm đếm chính xác ban hành Quyết định thu hồi đất cùng phương án bồi thường theo đúng quy định tại Nghị định 69 và bồi thường giải phóng mặt bằng.

Người đại diện người bị kiện trình bày:

Đối với nội dung Quyết định 1906 của Chủ tịch UBND huyện TH được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành phù hợp theo Luật đất đai năm 2013, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, cụ thể là: Sau khi có Quyết định thu hồi đất của UBND huyện TH đối với diện tích đất của hộ Anh H chị Ph, UBND huyện và UBND xã TA đã đến giải thích, vận động, thuyết phục nhiều lần để anh H , chị Ph tự nguyện giao đất, nhưng anh chị không chấp hành việc giao đất cho nên ngày 12/3/2015, Chủ tịch UBND huyện TH đã ban hành Quyết định 1906 cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình Anh H chị Ph là đúng thẩm quyền, hình thức ban hành Quyết định được thể hiện dưới hình thức là quyết định và tuân thủ đúng theo thể thức văn bản được quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, nội dung của quyết định đã áp dụng Khoản 3 Điều 98, khoản 7 Điều 123 Luật tổ chức HĐND và UBND, Khoản 2 Điều 66, điểm d Khoản 2 Điều 69, Khoản 1 Điều 70, Khoản 1, 2 ,3 Điều 71 Luật đất đai 2013 và các Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Quyết định 37/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh HD để ban hành Quyết định 1906 đảm bảo đúng đối tượng, diện tích đã bị thu hồi và người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi sau khi đã được vận động, thuyết phục, quyết định cưỡng chế đã được niêm yết công khai và có hiệu lực pháp luật. Trình tự ban hành Quyết định 1906 theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hồ sơ trình đề nghị ra quyết định cưỡng chế đầy đủ đúng quy định và đảm bảo thời hạn luật định.

Đối với hành vi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND huyện TH đã tiến hành thành lập ban và các bộ phận giúp việc thực hiện việc cưỡng chế, xây dựng kế hoạch, ấn định thời gian cưỡng chế và thông báo, niêm yết các văn bản đến đối tượng bị cưỡng chế và những người liên quan, chuẩn bị lực lượng, công cụ phương tiện thực hiện cưỡng chế và đúng ngày 25/3/2015 tiến hành cưỡng chế thu hồi diện tích 18,37m² đất của gia đình Anh H chị Ph, ban cưỡng chế và người tham gia cưỡng chế thực hiện đúng nhiệm vụ đã được giao, phá dỡ những tài sản nằm trong diện tích đất bị thu hồi và tiến hành bàn giao mặt bằng diện tích đất theo đúng quy định của pháp luật. Hành vi tổ chức thực

hiện cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch huyện TH là đảm bảo quy định của pháp luật.

Từ những trình bày trên người đại diện của Chủ tịch UBND huyện TH không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

* Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 2 Điều 104, Khoản 1 Điều 29 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015, Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 70, 71 Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013; Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích quyền sử dụng đất, thu hồi đất. Căn cứ Luật phí về lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án, lệ phí Tòa án năm 2009. Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H yêu cầu xác định Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 về cưỡng chế thu hồi đất và hành vi cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện TH là trái pháp luật.

- Không xem xét yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện TH phải thực hiện lại công việc đo vẽ, kiểm đến chính xác và ban hành quyết định thu hồi đầy đủ cùng phương án bồi thường theo quy định của pháp luật quy định tại Nghị định 69 về bồi thường giải phóng mặt bằng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên.

* Ngày 19/9/2017, anh Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, ngày 20/9/2017 Anh H có kháng cáo bổ sung với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đưa ra lý do của việc kháng cáo là: bản án sơ thẩm nhận định quyết định thu hồi đất số 4606/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND huyện TH và các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực thi hành là không đúng sự thật, trái với các chứng cứ có trong hồ sơ; Tòa cấp sơ thẩm cho rằng quyết định thu hồi đất đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên khi vận động gia đình anh H không giao đất nên Chủ tịch UBND huyện TH ban hành quyết định cưỡng chế số 1906 ngày 12/3/2015 là đúng pháp luật và thực hiện cưỡng chế ngày 25/3/2015 để thu hồi đất cũng đúng pháp luật là đánh giá không khách quan, thiếu toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án; bản án sơ thẩm còn nhận xét Chủ tịch UBND huyện TH áp dụng luật đất đai năm 2013 và các văn bản

hướng dẫn Luật đất đai 2013 là đúng thì hoàn toàn trái nguyên tắc áp dụng pháp luật khi giải quyết vụ việc xảy ra mà nhà nước chưa ban hành luật mới.

Do nhận định không chính xác nên bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của Anh H là không đúng pháp luật. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau đây: Đề nghị cải sửa bản án sơ thẩm, xác định quyết định hành chính số 1906/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 và hành vi thực hiện ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện TH cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình anh H theo quyết định số 4616 ngày 16/9/2014 là trái pháp luật, buộc phải thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

- Người khởi kiện là anh Nguyễn Văn H và luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án phúc thẩm xác định Quyết định số 1906/2015/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 và hành vi thực hiện việc cưỡng chế ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện TH cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình anh H theo quyết định số 4616/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 là trái pháp luật, buộc phải thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Ông Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho người khởi kiện cho rằng Quyết định 6787 và Quyết định 4616 thu hồi diện tích đất nhà anh H là không đúng pháp luật nhưng không đưa ra được căn cứ mang tính pháp lý.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện TH vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến thay đổi nào khác vẫn giữ nguyên quyết định 1906 và xác định hành vi cưỡng chế thu hồi đất là đúng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hưng,

- Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh tụng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Hưng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định tại Điều 206, Điều 209 luật tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt cho nên

HĐXX tiến hành giải quyết theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung kháng cáo của người khởi kiện.

[2.1]. Xét nội dung kháng cáo đối với quyết định 1906, anh Nguyễn Văn H cho rằng QĐ này là trái pháp luật. HĐXX nhận thấy: Ngày 23/12/2011, UBND huyện TH đã ra Quyết định 6787 và Quyết định 4616 ngày 16/9/2014 về việc thu hồi 18,37m² đất của hộ gia đình anh H chị Ph, tại thửa 141 tờ bản đồ số 27 thôn ĐP, xã TA. Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, Ủy ban nhân dân xã TA và các tổ chức đoàn thể của xã đã đến vận động, thuyết phục nhiều lần cụ thể vào các ngày 02/10/2014, ngày 03/10/2014, ngày 06/10/2014, ngày 17/10/2014 và ngày 21/10/2014 nhưng hộ gia đình anh H không thực hiện việc giao đất để thực hiện dự án. Ngày 02/11/2014, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện TH tiếp tục đến vận động thuyết phục nhưng không được. Như vậy theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013 thì người bị thu hồi đất không thực hiện việc giao đất mà đã được vận động, thuyết phục nhưng không giao đất ngày 12/3/2015 chủ tịch ủy ban nhân dân huyện TH đã ra quyết định số 1906/QĐ – UBND về cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đối tượng thu hồi đất. ngày 13/3/2015 Ủy ban nhân dân xã TA đã giao quyết định cưỡng chế số 1906 cho anh H và cùng ngày niêm yết công khai tại Ủy ban xã và xóm 1, thôn ĐP. Nội dung quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi. Vì vậy QĐ 1906 là đúng quy định pháp luật, việc áp dụng pháp luật của QĐ 1906 là áp dụng luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013 là đúng quy định vì tại thời điểm ban hành quyết định 1906 luật đất đai 2003 đã hết hiệu lực và Nghị định 69 đã được bãi bỏ và thay thế bằng nghị quyết 43/2014/NĐ – CP của Chính phủ. Không thể áp dụng luật đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn đã hết hiệu lực thi hành, trong khi đó QĐ 1906 ban hành vào thời điểm luật đất đai 2013 có hiệu lực pháp luật. Kháng cáo của anh H về nội dung này là không có căn cứ, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có cơ sở.

[2.2]. Đối với nội dung kháng cáo về hành vi hành chính thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện TH thấy rằng: Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, ngày 12/3/2015 Chủ tịch UBND huyện TH đã thành lập ban cưỡng chế và thông báo giao cho hộ gia đình anh H. Ban cưỡng chế tiếp tục vận động và tổ chức đối thoại với gia đình anh H vào ngày 19/3/2015 nhưng hộ gia đình anh H không chấp hành. Ngày 20/3/2015 Ban thực hiện việc cưỡng chế đã ra thông báo giao cho gia đình anh H về thời gian, địa điểm thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất. Để thực hiện việc cưỡng chế theo đúng thời gian đã ấn định, Chủ tịch UBND huyện TH và các ban thực hiện cưỡng chế đã xây dựng kế hoạch, bố trí lực lượng, phương tiện cưỡng chế và đúng 09 giờ 5 phút ngày 25/3/2015 Ban

cưỡng chế tiến hành thực hiện việc cưỡng chế thu hồi diện tích đất 18,37m² của hộ gia đình anh H đúng đối tượng, diện tích đã thu hồi. Như vậy hành vi thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện TH là đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013. Bản án sơ thẩm đã phân tích, đánh giá và quyết định là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. kháng cáo của người khởi kiện về nội dung này là không được chấp nhận.

Người kháng cáo đưa ra các lý do cho rằng bản án sơ thẩm nhận định quyết định 4606/QĐ – UBND ngày 16/9/2014 và các khiếu nại đã có hiệu lực thi hành là không đúng và trái chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về vấn đề này, thấy rằng: Bản án sơ thẩm không nhận định quyết định số 4604/QĐ-UBND mà nhận định quyết định số 4616/QĐ-UBND. Đây là quyết định sửa đổi bổ sung một phần quyết định thu hồi đất số 6787/QĐ-UBND ngày 23/12/2011. Theo quy định tại Điều 67 Luật đất đai 2013 thì trước khi có quyết định thu hồi đất đối với đất phi nông nghiệp là 180 ngày, Ủy ban nhân dân huyện TH đã thông báo cho người thu hồi đất là hộ gia đình anh H về kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, phương án bồi thường đất đã được phê duyệt, gia đình anh H đã nhận tiền cho nên ngày 23/12/2011 và ngày 16/9/2014 ủy ban nhân dân huyện TH ban hành quyết định số 6787/QĐ-UBND và quyết định 4616/QĐ-UBND là đúng quy định và có hiệu lực thi hành. Lý do kháng cáo này của người khởi kiện đưa ra là không có cơ sở, người khởi kiện còn đưa ra lý do kháng cáo đó là bản án sơ thẩm xác định trình tự thủ tục ban hành quyết định cưỡng chế và thực hiện việc cưỡng chế đối với diện tích đất hộ gia đình anh H là đúng pháp luật, như vậy bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ thiết khách quan và không toàn diện, người khởi kiện đưa ra như vậy nhưng không có căn cứ cụ thể không toàn diện ở đâu, thiếu khách quan như thế nào, nên không chấp nhận; còn lý do bản án sơ thẩm lại áp dụng luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013, vấn đề này đã trình bày và đánh giá ở phần trên.

Từ nhận định, phân tích ở trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, Điều 67,70,71 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án.

- Bác kháng cáo của người khởi kiện là anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của tòa án nhân dân huyện TH.

- Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về yêu cầu xác định quyết định 1906/QĐ-UBND ngày 12/3/2015, hành vi cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện TH là trái pháp luật và yêu cầu UBND huyện TH phải thực hiện việc đo vẽ, kiểm đếm chính xác và ban hành quyết định thu hồi đất cùng phương án bồi thường đúng theo quy định của pháp luật tại Nghị định 69 về bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000đ được trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2014/004477 ngày 08/10/2015 của Chi cục THA huyện Thanh Hà.

+ Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0000983 ngày 21/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 19/01/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chất

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Dương Thị Kim Hồng Nguyễn Văn Khóa

NGUYỄN HUY HIỂU